

GIẢI PHÁP KINH TẾ - XÃ HỘI NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM

Trương Trần Minh Bảo

Trường Trung học phổ thông chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội

Tác giả liên hệ: baotruong16022005@gmail.com

Ngày nhận: 20/9/2022

Ngày nhận bản sửa: 21/9/2022

Ngày duyệt đăng: 26/9/2022

Tóm tắt

Việt Nam đã, đang và sẽ chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, đòi hỏi những chủ trương, quyết sách và hành động đúng đắn và kịp thời để đạt được những mục tiêu phát triển bền vững. Chính phủ, doanh nghiệp và người dân phải nhận thức được đầy đủ những hiểm họa của biến đổi khí hậu và những lợi ích từ việc thích ứng với biến đổi khí hậu để có những giải pháp nội lực và tìm kiếm sự hỗ trợ từ bên ngoài. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính từ khu vực nhà nước, tư nhân và tổ chức quốc tế đóng vai trò tiên quyết.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, giải pháp kinh tế - xã hội, nguồn lực tài chính, Việt Nam.

Socio-Economic solutions for climate change mitigation in Vietnam

Abstract

Vietnam is increasingly suffering from climate change, requiring the appropriate and timely directions, policies and actions to achieve sustainable development targets. The governments, enterprises and people must raise their awareness and thereby understanding the effects of climate change as well as benefits from climate change adoption to have their own solutions and find external supports. Raising and allocating financial resources effectively from public, private sectors and international organizations plays an essential role.

Key words: Climate change, socio-economic solutions, fund mobilization, Vietnam.

1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới các mục tiêu kinh tế - xã hội của Việt Nam

Sau khoảng ba thập kỉ từ Đại hội VI với nhiều thành tựu vượt bậc về tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội được cộng đồng thế giới ghi nhận, Việt Nam tiếp tục đặt ra mục tiêu tham vọng trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045. Để đạt được mục tiêu này, nền kinh tế Việt Nam buộc phải chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào thâm dụng vốn, lao động và tài nguyên thiên nhiên sang mô hình sử dụng đồng bộ, cân bằng và hiệu quả các yếu tố trên kết hợp với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, việc thực hiện các mục tiêu kể trên đứng trước rất nhiều khó khăn và thách thức, trong đó, có yếu tố suy giảm vốn

tài nguyên bắt nguồn từ biến đổi khí hậu và công tác quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên chưa bền vững.

So với các quốc gia trên thế giới, Việt Nam là nước dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu khi đứng thứ 127 trên 182 quốc gia theo Sáng kiến Thích ứng Biến đổi Khí hậu Toàn cầu Notre Dame và đứng thứ 13 trong số 180 quốc gia theo Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu Germanwatch giai đoạn từ năm 2000 đến 2019. Gia tăng nắng nóng cực đoan được dự báo sẽ khuếch đại những ảnh hưởng tiêu cực lên sức khỏe, thu nhập của người dân và hệ sinh thái. Theo Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu, tỷ lệ tử vong do thời tiết cực đoan ở Việt Nam năm 2016, đứng thứ 11 trên thế giới.

Phát thải khí nhà kính của Việt Nam

đã tăng liên tục từ thập niên 90 của thế kỉ trước với khoảng 2/3 lượng phát thải tới từ khu vực sản xuất năng lượng. Ngành nông nghiệp đóng góp khoảng 1/5 lượng phát thải, theo sau là các ngành công nghiệp, giao thông và chất thải. Gia tăng phát thải khí nhà kính được cho là nguyên nhân dẫn tới tình trạng ô nhiễm không khí nghiêm trọng tại các thành phố lớn, đe dọa tới sức khỏe của người dân và kéo theo sự suy giảm năng suất lao động trong dài hạn.

Có đường biển kéo dài trên ba nghìn km, Việt Nam chịu những hậu quả tác động nghiêm trọng khi nước biển dâng cao. Ủy ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu đã đưa ra khuyến cáo, khi mực nước biển dâng lên 100cm thì sẽ có 40.000 km² diện tích đất của Việt Nam bị mất đi, chiếm 12,1% tổng diện tích đất hiện có, kéo theo hơn 17 triệu người mất nơi sinh sống, chiếm trên 23% dân số tại thời điểm báo cáo. Như vậy, các vùng thấp ven biển và đồng bằng lưu vực các sông lớn sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị tổn thương cao khi nước biển dâng, đặc biệt là tình trạng lũ lụt ven biển. Tiềm năng phát triển các ngành kinh tế chiến lược với lợi thế lớn của Việt Nam như thủy sản và nông nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực từ biến đổi khí hậu. Theo ước tính trong Phân tích Quốc gia về Môi trường, Việt Nam bị thiệt hại khoảng 10 tỷ USD (tương đương 3,2% GDP) trong năm 2020 do ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, riêng ngành thủy sản và nông nghiệp là 4,2 tỷ USD và 0,84 tỷ USD.

2. Chiến lược của Chính phủ để tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

Nhận thức được những tác động tiêu cực mà biến đổi khí hậu tạo ra với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Chính phủ đã khẩn trương đưa ra các cam kết, mục tiêu và giải pháp để đối phó với rủi ro biến đổi khí hậu. Tại COP26, Thủ tướng Chính phủ đã tuyên bố “ứng phó với biến đổi khí hậu và phục hồi thiên nhiên phải trở thành ưu tiên cao nhất trong mọi quyết sách phát triển kinh tế”. Ngày 26/07/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về

Biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, trong đó, đã nêu 5 quan điểm cơ bản:

- Thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” là cơ hội để phát triển bền vững;

- Ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện trên nguyên tắc công lý, công bằng, với cách tiếp cận toàn cầu và toàn dân;

- Ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, của mỗi người dân và toàn xã hội;

- Triển khai các giải pháp cấp bách giảm mức độ dễ bị tổn thương, tăng cường sức chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu;

- Tập trung nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển các cơ chế tài chính, thị trường các-bon, thúc đẩy chuyển dịch đầu tư cho phát triển kinh tế ít phát thải;

Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu cũng nêu ra mục tiêu tổng quát là chủ động, thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất, tận dụng cơ hội ứng phó với biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế. Các mục tiêu cụ thể của Chiến lược đến năm 2050 về thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm:

- Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên quốc gia. Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại; thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị tăng cao;

- Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 43% và bảo đảm lâm phận rừng quốc gia; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; diện tích các khu bảo tồn biển và ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích

ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu. Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó, ít nhất 90% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe;

- Trình độ, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai tương đương với các nước phát triển; dịch vụ khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

- Mọi người dân được đảm bảo an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu; đảm bảo di dời 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn.

3. Giải pháp tăng cường khả năng thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu

Nhóm giải pháp nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên: tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước; khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa được sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Thúc đẩy phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn đảm bảo quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải liên vùng, liên tỉnh.

- Xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững, nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

- Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có, tăng cường khả năng phòng

hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển; quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu qua việc ưu tiên các công trình xanh, phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và sẽ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng.

- Về y tế và sức khỏe, cần tập trung tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các vùng dân tộc ít người; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới thông qua tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào; hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về biến đổi khí hậu và các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhóm giải pháp giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Nâng cao năng lực dự báo và cảnh báo sớm qua việc tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai mang tầm các nước phát triển khu vực châu Á. Năng lực giám sát biến đổi khí hậu ngang tầm với các quốc gia hàng đầu trong khu vực; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản. Hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ

cảnh báo thiên tai, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Đầu tư xây dựng các công trình phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu; củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển và các công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu.

- Có giải pháp bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu bằng việc quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước sông do bão, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.

4. Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

Để đạt được các mục tiêu và thực thi có hiệu quả các giải pháp nhằm hạn chế và khắc phục hiệu quả thiên tai và biến đổi khí hậu tại Việt Nam thì việc huy động các nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu có ý nghĩa quyết định. Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, từ nay đến năm 2040, Việt Nam cần tổng cộng 368 tỷ USD (tương đương 6,8% GDP mỗi năm) để đầu tư tăng khả năng chống chịu và khử carbon. Đây là khoản đầu tư rất lớn và nguồn lực từ ngân sách Nhà nước là không đủ mà cần có sự vào cuộc từ phía khu vực tư nhân và bên ngoài. Trong ba nguồn lực chủ chốt này, nguồn lực từ khu vực tư nhân phải là chủ chốt và quyết định; nguồn lực từ khu vực Nhà nước là khởi đầu và xúc tác; nguồn lực từ khu vực nước ngoài là hỗ trợ.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi để thu hút các dòng vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, người dân thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát

thải khí nhà kính, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế bền vững. Phát triển thị trường tài chính xanh, phát triển cân bằng và đồng bộ ở cả thị trường tín dụng và thị trường trái phiếu sẽ giúp huy động được các nguồn lực tài chính cần thiết cho chuyển đổi các ngành công nghiệp và ngành sản xuất năng lượng theo hướng hiệu quả và bền vững.

- Xây dựng quy trình phân bổ ngân sách nhà nước và lập kế hoạch đầu tư công, kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước hoặc sử dụng các nguồn lực hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính. Thuế carbon hoặc các quy định hình thành hệ thống mua bán khí thải sẽ là chìa khóa để Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển và khí hậu đầy tham vọng đã được đặt ra. Điểm mấu chốt của giải pháp này là cần có biện pháp để thu được nhiều thuế hơn từ các hoạt động gây ảnh hưởng tới môi trường và huy động trái phiếu trong nước để tài trợ cho hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó biến đổi khí hậu; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa Nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, thu hút các dòng vốn đầu tư, các dòng

tài chính xanh của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng quốc tế vào Việt Nam; thu hút các tập đoàn quốc tế, tập đoàn đa quốc gia vào Việt Nam hợp tác thực hiện chuyển đổi sản xuất và tiêu thụ năng lượng.

- Xây dựng các quy định, hướng dẫn thực hiện giám sát các nguồn tài chính, hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với pháp luật Việt Nam, yêu cầu của Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris và các cơ chế tài chính quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia.

Các giải pháp về nguồn lực tài chính

chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu như được triển khai bên cạnh những cải cách về thể chế và tính minh bạch, trách nhiệm và giải trình của các chủ thể thực thi. Quá trình triển khai các giải pháp chắc chắn sẽ gây ra những tác động mang tính bất đối xứng, thậm chí là gây ra những tác động không mong muốn trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn, sẽ mang lại sự thịnh vượng chung cho quốc gia, dân tộc. Chính phủ, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức quốc tế cần có sự đồng thuận và quyết tâm cao để thực hiện các mục tiêu về thích ứng với rủi ro biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Liên Hợp quốc (2022), *Rà soát đầu tư và chi tiêu công cho biến đổi khí hậu tại Việt Nam*.

Đinh Ngọc Linh (2022), “Huy động nguồn lực tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 tháng 7/2022.

Ngân hàng Thế giới (2022), *Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển*.

Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 phê duyệt *Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu*.

Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt *Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050*.